

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/DS-PT

Ngày: 25/01/2018

V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hồng

Các Thẩm phán:

Ông Bùi Hữu Nhân

Bà Vũ Thị Nguyệt

- Thư ký phiên tòa:Bà Trần Anh Thi- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 134/2017/DS-PT ngày 06 tháng 11 năm 2017 Về việc tranh chấp hợp đồng dịch vụ.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2017/DS-ST ngày 11 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 298/2017/QĐ-PT ngày 24 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Văn phòng Luật sư Phạm C; địa chỉ đường TN, Khu phố B, phường BT, quận TĐ, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thu C; nơi cư trú tại đường TN, Khu phố B, phường BT, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Vợ chồng ông Nguyễn Duy T, bà Bùi Thị Ngọc C1; cùng cư trú tại Thôn X, xã LT, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng. (có mặt)

- *Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:*

Vợ chồng ông Mai Văn N, bà Bùi Thị C2; cùng cư trú tại Số Z, Đường số C, Khu phố D, phường TP, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

Người kháng cáo: vợ chồng ông Nguyễn Duy T, bà Bùi Thị Ngọc C1 -Bị đơn

(nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn có mặt tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm,

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 11 năm 2015 và trong quá trình xét xử nguyên đơn trình bày:

Ngày 10/9/2015 ông T ký hợp đồng dịch vụ pháp lý ủy quyền cho Văn phòng Luật sư Phạm C (*sau đây viết tắt là VPLS Phạm C*) tư vấn pháp luật và cử Luật sư đại diện cho vợ chồng ông T, bà C1 thực hiện thủ tục khởi kiện vợ chồng ông Mai Văn N, bà Bùi Thị C2 về việc Tranh chấp đòi tài sản với mức phí dịch vụ thỏa thuận là 13% tính trên giá trị tài sản mà vợ chồng ông T nhận lại được. Thời gian thực hiện hợp đồng từ khi ký hợp đồng đến khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi ký hợp đồng VPLS Phạm C đã cử Luật sư nộp đơn khởi kiện và được Tòa án quận Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh thụ lý. Sau khi được Tòa án triệu tập làm việc thì vợ chồng ông N, bà C2 thỏa thuận trả 2.160.000.000đ được vợ chồng ông T, bà C1 đồng ý. Nên ngày 16/11/2015 vợ chồng ông N, bà C2 trả trước cho vợ chồng ông T, bà C1 số tiền 2.000.000.000đ, đồng thời ông Tiến rút đơn khởi kiện nên TAND quận Thủ Đức đã đình chỉ giải quyết vụ án. Sau đó ngày 17/11/2015 vợ chồng ông N, bà C2 trả hết số tiền còn nợ là 160.000.000đ thông qua VPLS Phạm C.

Về thù lao theo Hợp đồng là 13% tính trên giá trị tài sản mà vợ chồng ông T, bà C1 được nhận lại. Do số tiền vợ chồng ông T, bà C1 nhận lại là 2.160.000.000đ nên tổng số tiền thù lao là 280.800.000đ. Vợ chồng ông T đã thanh toán như sau: Ngày 10/9/2015 ông T thanh toán 20.000.000đ; Ngày 12/11/2015 ông T thanh toán tiếp 20.000.000đ; Ngày 17/11/2015 VPLS Phạm C nhận 160.000.000đ do vợ chồng ông N, bà C2 giao để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của vợ chồng ông T, bà C1; Ngày 16/12/2015 Chi cục THADS quận Thủ Đức hoàn trả tiền tạm ứng án phí và VPLS Phạm C đã nhận 18.992.000đ. Như vậy tổng số tiền mà VPLS Phạm C đã nhận được là 218.992.000đ. Vì vậy, VPLS Phạm C yêu cầu vợ chồng ông T, bà C1 phải trả số tiền còn thiếu là 61.808.000đ và yêu cầu tính lãi suất 8%/năm tính từ ngày khởi kiện cho đến khi thanh toán xong số tiền còn thiếu.

Bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Duy T, bà Bùi Thị Ngọc C1 trình bày:

Ngày 10/9/2015 ông T có ký hợp đồng dịch vụ pháp lý với VPLS Phạm C để tư vấn pháp luật và cử luật sư đại diện cho ông T thực hiện thủ tục khởi kiện vợ chồng ông Mai Văn N, bà Bùi Thị C2 về việc Tranh chấp đòi tài sản với mức phí dịch vụ thỏa thuận là 13% tính trên giá trị tài sản mà ông T nhận lại được. Thời gian thực hiện hợp đồng từ khi ký hợp đồng đến khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật hoặc vụ việc kết thúc theo quy định của pháp luật.

Sau khi ký hợp đồng VPLS Phạm C đã không thực hiện đúng những điều khoản mà các bên đã cam kết trong hợp đồng. Cụ thể: Phía ông T không nhận được bất cứ văn bản giấy tờ gì của TAND quận Thủ Đức thông báo về việc thụ lý giải quyết vụ án. Ngày 15/11/2015 ông N tự gọi điện thoại cho bà C1 yêu cầu vợ chồng ông T về TP Hồ Chí Minh để trả nợ. Ngày 16/11/2015 hai bên đã gặp nhau và vợ chồng ông N, bà C2 đã trả cho ông T số tiền 2.000.000.000đ và xin nợ lại 160.000.000đ đến ngày 16/02/2016 sẽ trả hết. Sau khi nhận được tiền, ông T có đến VPLS Phạm C để tư vấn số tiền vợ chồng ông N còn nợ nhưng Luật sư Đ đề nghị bỏ số tiền 160.000.000đ và yêu cầu ông T thanh toán đủ 13% của số tiền 2.000.000.000đ thì VPLS mới làm đơn xin rút đơn khởi kiện. Ông T không đồng ý với ý kiến của đại diện VPLS Phạm C, bởi vì ông T đã thỏa thuận với ông N cho nợ số tiền còn thiếu trong thời gian 03 tháng kể từ ngày 16/11/2015, nên ông T đã tự đến TAND quận Thủ Đức để làm đơn rút đơn khởi kiện.

Theo ý kiến ông T thì vợ chồng ông bà không thống nhất với yêu cầu khởi kiện của VPLS Phạm C, ông T, bà C1 không đồng ý trả cho VPLS Phạm C số tiền 61.808.000đ.

Về số tiền mà ông T đã tạm ứng cho VPLS Phạm C theo hợp đồng đã ký thì ông T không yêu cầu giải quyết.

Còn về số tiền 160.000.000đ ông N đã trả mà VPLS Phạm C đã nhận thì ông T cho rằng ông không biết và không liên quan vì giấy nhận nợ gốc mà ông N ghi cho ông T hiện vẫn còn đang giữ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông Mai Văn N, bà Bùi Thị C2 trình bày:

Vào năm 2015 vợ chồng ông N, bà C2 và vợ chồng ông T, bà C1 có xảy ra tranh chấp về vụ hùn tiền mua đất và vợ chồng ông N, bà C2 có vay tiền của vợ chồng ông T, bà C2 tổng cộng số tiền còn nợ là 2.161.000.000đ.

Tháng 10/2015 vợ chồng ông T, bà C1 ủy quyền cho Luật sư Mai Trung Đ khởi kiện tại Tòa án quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết đã mời vợ chồng ông N, bà C2 đến làm việc rất nhiều lần. Sau đó, do sự tác động của Luật sư Mai Trung Đ nên hai bên đã thỏa thuận đồng ý

trả cho vợ chồng ông T, bà C1 số tiền trên. Vì vậy, vào ngày 16/11/2015 vợ chồng ông N, bà C2 đã trả cho vợ chồng ông T, bà C1 số tiền 2.000.000.000đ, còn nợ 160.000.000đ hẹn 03 tháng sẽ trả tiếp. Tuy nhiên, ngày 17/11/2015 vợ chồng ông N, bà C2 đã có tiền nên mang ra VPLS Phạm C để trả tiếp cho vợ chồng ông T, bà C1. Việc vợ chồng ông N, bà C2 giao số tiền này cho Luật sư Mai Trung Đ là do trong quá trình Tòa án nhân dân Quận Thủ Đức mời lên làm việc thì vợ chồng ông T, bà C1 nói giao cho Luật sư Đ được toàn quyền quyết định. Như vậy, tranh chấp giữa vợ chồng ông N, bà C2 và vợ chồng ông T, bà C1 đã giải quyết xong. Còn việc tranh chấp giữa VPLS Phạm C và vợ chồng ông T, bà C1 thì vợ chồng ông N, bà C2 không có yêu cầu hay tranh chấp gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Vụ án đã được Tòa án đưa ra hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2017/DS-ST ngày 11/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm đã xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Văn phòng Luật sư Phạm C đối với vợ chồng ông Nguyễn Duy T, bà Bùi Thị Ngọc C1 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ*”.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Duy T, bà Bùi Thị Ngọc C1 phải có trách nhiệm trả cho Văn phòng Luật sư Phạm C tổng số tiền là 70.297.000đ (*Bảy mươi triệu hai trăm chín mươi bảy ngàn đồng*). Trong đó tiền gốc là 61.808.000đ; tiền lãi là 8.489.000đ.

- Đình chỉ và trả lại đơn khởi kiện yêu cầu phản tố của vợ chồng ông Nguyễn Duy T, bà Bùi Thị Ngọc C1 đối với Văn phòng Luật sư Phạm C.

Về án phí:

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Duy T, bà Bùi Thị Ngọc C1 phải nộp 3.514.850đ (*Ba triệu năm trăm mười bốn ngàn tám trăm năm mươi đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho vợ chồng ông Nguyễn Duy T, bà Bùi Thị Ngọc C1 số tiền tạm ứng án phí về yêu cầu phản tố là 4.450.000đ (*Bốn triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0004695 ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

Văn phòng Luật sư Phạm C không phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho Văn phòng Luật sư Phạm C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.020.000đ (*Hai triệu không trăm hai mươi ngàn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/0006567 ngày 08 tháng 01 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 23/8/2017 bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Duy T, bà Bùi Thị Ngọc C1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 27/2017/DS-ST ngày 11 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt nội dung đơn trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử (*sau đây viết tắt là HĐXX*) giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bác yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm đồng thời trình bày Văn phòng Luật sư Phạm C không thực hiện đúng hợp đồng dịch vụ đã ký, thực hiện không đúng tinh thần trách nhiệm của mình đối với khách hàng, đề nghị HĐXX cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị HĐXX xem xét quyết định đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông Mai Văn N, bà Bùi Thị C2 vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc thẩm phán và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự trong giai đoạn phúc thẩm và đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến trình bày của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, xem xét nội dung kháng cáo của bị đơn Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngày 23/8/2017 bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Duy T, bà Bùi Thị Ngọc C1 có đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm Số 27/2017/DS-ST ngày 11/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, nội dung kháng cáo bị đơn không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, yêu cầu hủy bỏ Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 24-2015/HĐDVVPLS/LSPC ngày 10/9/2015 và buộc VPLS Phạm C trả lại số tiền 178.000.000đ lý do VPLS Phạm C không thực hiện đúng quy định của hợp đồng dịch vụ pháp lý đã ký. HĐXX thấy rằng ngày 10/9/2017 giữa ông Nguyễn Duy T và VPLS Phạm C do Luật sư Phạm Thị Thu C là Trưởng văn phòng làm đại diện ký kết Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 24-2015/HĐDVVPLS/LSPC, theo

đó nội dung dịch vụ pháp lý cần thực hiện được quy định tại Điều 1 của hợp đồng cụ thể như sau *“Bên A (ông Nguyễn Duy T) giao cho bên B (VPLS Phạm C) và bên B đồng ý nhận thực hiện các việc sau đây thay cho bên A, Bên B tư vấn pháp luật và cử Luật sư đại diện cho bên A thực hiện thủ tục khởi kiện về việc “Tranh chấp đòi tài sản” giữa bên A và vợ chồng ông Mai Văn N, bà Bùi Thị C2.”*ngoài ra hợp đồng còn quy định cụ thể về thời hạn thực hiện công việc; phí dịch vụ, thù lao và quyền, nghĩa vụ của các bên tại các Điều 2, 3, 4 và Điều 5 của hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng nguyên đơn đã thực hiện đúng theo nội dung quy định tại Điều 1 hợp đồng như tư vấn, thực hiện thủ tục khởi kiện tại Tòa án nhân dân Quận Thủ Đức và cử Luật sư Mai Trung Đ tham gia tố tụng với tư cách là người được bị đơn ủy quyền, bị đơn thừa nhận nguyên đơn đã cử Luật sư Mai Trung Đ đại diện cho ông Nguyễn Duy T tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 10/9/2015 của ông T (bl 05-06) đồng thời có văn bản gửi UBND Quận Thủ Đức ngăn chặn giao dịch . Vụ án đã được Tòa án nhân dân quận Thủ Đức thụ lý số 320/2015/TLST-DS ngày 28/10/2015. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án do giữa ông T và vợ chồng ông N, bà C2 thỏa thuận được việc giải quyết vụ án nên ngày 16/11/2015 ông Nguyễn Duy T có đơn xin rút đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân quận Thủ Đức đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 473/2015/QĐDS-ST ngày 16/11/2015. Như vậy đối chiếu với các quy định tại hợp đồng dịch vụ pháp lý đã ký thì nguyên đơn VPLS Phạm C đã thực hiện xong công việc mà hai bên giao kết trong hợp đồng dịch vụ, nên bị đơn ông T phải có nghĩa vụ thực hiện đúng cam kết được quy định tại Điều 3 của hợp đồng dịch vụ pháp lý. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên cấp sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Từ những nhận định trên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm buộc vợ chồng ông Nguyễn Duy T, bà Bùi Thị Ngọc C1 có nghĩa vụ thanh toán cho Văn phòng luật sư Phạm C tổng số tiền là 70.297.000đ (*Bảy mươi triệu hai trăm chín mươi bảy ngàn đồng*). Trong đó tiền gốc là 61.808.000đ; tiền lãi là 8.489.000đ.là có căn cứ , đúng pháp luật.

[2] Về yêu cầu phản tố của bị đơn HĐXX thấy rằng sau khi Tòa án cấp sơ thẩm ra quyết định đưa vụ án ra xét xử thì bị đơn có đơn yêu cầu phản tố. Cấp sơ thẩm không giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

Về án phí: Đương sự phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên người có kháng cáo phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 19/2/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Duy T, bà Bùi Thị Ngọc C1 đối với nguyên đơn Văn Phòng Luật sư Phạm C.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2017/DS-ST ngày 11/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Văn phòng Luật sư Phạm C đối với bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Duy T, bà Bùi Thị Ngọc C1

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Duy T, bà Bùi Thị Ngọc C1 có nghĩa vụ thanh toán cho Văn phòng Luật Sư Phạm C số tiền 70.297.000đ (*Bảy mươi triệu, hai trăm chín mươi bảy ngàn đồng*). Trong đó tiền gốc là 61.808.000đ; tiền lãi là 8.489.000đ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ và trả lại đơn khởi kiện về yêu cầu phản tố của vợ chồng ông Nguyễn Duy T, bà Bùi Thị Ngọc C1 đối với Văn phòng Luật sư Phạm C.

3. Về án phí:

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Duy T, bà Bùi Thị Ngọc C1 phải nộp 3.514.850đ (*Ba triệu năm trăm mười bốn ngàn tám trăm năm mươi đồng*) tiền án phí DSST và 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.750.000đ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0004695 ngày 05 tháng 5 năm 2017 và Biên lai số AA/2015/0004887 ngày 10/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng. Ông T, bà C1 đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm và tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông T số tiền 935.150đ án phí còn thừa.

Hoàn trả cho Văn phòng Luật sư Phạm C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.020.000đ (*Hai triệu, không trăm hai mươi ngàn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/0006567 ngày 08 tháng 01 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh LĐ;
- TAND huyện Bảo Lâm (02);
- Phòng KTNV&THA
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Hồng